

Bản án số: 17/2025/DS-PT

Ngày 19/02/2025

V/v Xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để bảo đảm thi hành án.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Anh

Bà Nguyễn Thị Hải Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2024/TLPT-DS ngày 02/12/2024, về việc tranh chấp “xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để bảo đảm thi hành án”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, bị kháng cáo, kháng nghị:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐ-PT, ngày 07/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Viết D (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm E Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị T (vợ ông D). Nơi cư trú: Xóm E Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần B1. Địa chỉ: B T, quận H, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hồ Nam T1: Tổng giám đốc.; Ông Lê Hoài N: Giám đốc chi nhánh N2 là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 11/07/2023); Ông Nguyễn Thành S: Tổ trưởng khách hàng - N2 là người đại diện theo uỷ quyền lại (Văn bản uỷ quyền ngày 09/09/2024). Vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Viết D.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS - ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành thì vụ án có nội dung như sau:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành quyết định buộc ông Nguyễn Viết D thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số tiền 282.000.000 đồng. Ngày 31/07/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã ra Quyết định số 04/2019/QĐ-PT “Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự” và quyết định “bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này”. Bà Nguyễn Thị X đã viết đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chi cục Thi hành án đã yêu cầu ông Nguyễn Viết D tự nguyện thi hành bản án nhưng ông D không thực hiện.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành tiến hành xác minh điều kiện thi hành án và yêu cầu ông Nguyễn Viết D, bà Lê Thị T (vợ ông D) tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung để thi hành án nhưng ông D, bà T không thực hiện.

Bà X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thành “Xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của ông D trong khối tài sản chung của ông D và bà T đối với quyền sử dụng thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, tại xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 396 m² (trong đó 150 m² đất ở, 246 m² đất vườn) đã được UBND huyện Y cấp cho ông Nguyễn Viết D, bà Lê Thị T, GCNQSD đất số CB 095249 ngày 01/9/2025 và các tài sản gắn liền thửa đất để bảo đảm thi hành án.

Ông Nguyễn Viết D trình bày: Bản án số 18/2018 ngày 16/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành buộc ông phải trả cho bà Nguyễn Thị X, số tiền 282.000.000 đồng. Bản án số 63 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An buộc chi

Nguyễn Thị L phải trả cho ông D số tiền là 263.000.000 đồng. Thực chất số tiền 263.000.000 đồng là ông vay của bà X cho chị Nguyễn Thị L vay, chị L đã lên quán bà X cùng ông để nhận tiền và chị L sử dụng số tiền đó. Nay hai vụ án trên đã có hiệu lực pháp luật và đã đề nghị thi hành án. Vậy lúc nào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành lấy được tiền của ông (tại bà L) thì ông có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị X theo quyết định của Tòa án.

Nay bà X có đơn yêu cầu Tòa án “xác định phần sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để bảo đảm thi hành án” đối với Quyền sử dụng thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 396 m² (trong đó 150 m² đất ở, 246 m² đất vườn) và các tài sản gắn liền thửa đất là không đúng vì thửa đất trên có nguồn gốc là được ông bà ngoại của ông (D) là ông Thái Duy H và bà Ngô Thị L1 là thửa đất của liệt sỹ giao cho gia đình ông (D) là cháu ngoại được phép ở để thờ cúng liệt sỹ Thái Duy N1 hy sinh chống Mỹ cứu nước năm 1972 tại chiến trường phía nam M. Thửa đất đó vợ chồng con cái của ông được ở mà không có quyền bán, chuyển nhượng hay phân chia bất cứ trong mọi trường hợp. Yêu cầu của bà Nguyễn Thị X là không đúng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành trình bày: Theo bản án số 18/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 23/QĐ-CCTHADS ngày 18/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành thì buộc ông Nguyễn Việt D, có địa chỉ tại xóm E Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị X, có địa chỉ tại xóm B, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An số tiền là 282.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án theo quy định. Quá trình tổ chức thi hành án: Ông Nguyễn Việt D đã thi hành được số tiền là 3.386.000 đồng, số tiền còn lại là 278.614.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án theo quy định. Chấp hành viên xác minh điều kiện thi hành án của ông Nguyễn Việt D cho thấy “ông Nguyễn Việt D có tài sản chung cùng vợ là bà Lê Thị T gồm thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, diện tích 396 m²; địa chỉ: xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An và tài sản gắn liền với đất. Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Đã hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có

quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Người được thi hành án bà Nguyễn Thị X đã viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngân hàng TMCP B1 trình bày: Hiện nay ông Nguyễn Việt D và bà Lê Thị T đang vay Ngân hàng TMCP B1 chi nhánh N2 phòng G số tiền 300.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD 23D 2019048 ngày 02/12/2019. Theo Hợp đồng thế chấp số 56/2019/HĐTC/PGDYT thì tài sản thế chấp cho khoản vay trên là toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 257 tờ bản đồ số 17, tại xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB095249 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 01/09/2015 mang tên ông Nguyễn Việt D và bà Lê Thị T. Nay Tòa án giải quyết vụ án “xác định phần sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án” để thi hành án giữa bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Việt D trong khối tài sản chung của ông D, bà T đang thế chấp tại Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị ông D, bà T thực hiện xong hợp đồng tín dụng mới cưỡng chế tài sản, nếu thi hành án cưỡng chế tài sản thì phải bảo đảm quyền lợi cho Ngân hàng đầy đủ rồi mới thực hiện nghĩa vụ cho bà X.

Quá trình giải quyết sơ thẩm Hội đồng định giá đã tiến hành định giá tài sản nhưng Ngân hàng và bà T vắng mặt không lý do; ông D có mặt nhưng có hành vi cản trở, chống đối không cho Hội đồng tiến hành thẩm định, đo diện tích, kích thước tài sản nên Hội đồng định giá tài sản không tiến hành định giá tài sản được và lập biên bản không thể tiến hành định giá tài sản. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu các đương sự không có hành vi cản trở là bà X, Ngân hàng, Chi cục thi hành án và bà T đưa ra giá của tài sản nhưng Ngân hàng, Chi cục thi hành án và bà T không đưa ra giá đối với tài sản; bà X đưa ra giá tài sản là: tài sản gắn liền thửa đất giá 700.000.000 đồng; đất ở giá 2.000.000 đồng/m² x 150 m² = 300.000.000 đồng; đất vườn giá 1.000.000 đồng/m² x 246 m² = 246.000.000. Tổng giá tài sản là 1.246.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/03/2014. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định giá tài sản là 1.246.000.000 đồng.

Bà Lê Thị T được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không có ý kiến. Các đương sự không có yêu cầu chia tài sản chung thi hành án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành đã quyết định: Căn cứ vào Điều 213, 318, 319, 322,

323, 327 của Bộ luật dân sự; Điều 33; điểm b khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 12 Điều 26; khoản 1 Điều 273; Điều 147; Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, diện tích 396 m² (trong đó 150 m² đất ở, 246 m² đất vườn), vị trí: xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 01/09/2015 đứng tên ông Nguyễn Việt D, bà Lê Thị T là tài sản chung của ông Nguyễn Việt D và bà Lê Thị T, ông Nguyễn Việt D được quyền sở hữu, sử dụng 3/5 khối tài sản chung và bà Lê Thị T được quyền sở hữu, sử dụng 2/5 khối tài sản chung. Ngoài ra bản án còn tuyên trách nhiệm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2024, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, lý do: tài sản yêu cầu là đất thờ cúng liệt sỹ, hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng.

Ngày 24/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành có Quyết định số 03/QĐ-VKS-DS kháng nghị bản án của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành. Lý do: bản án sơ thẩm có một số vi phạm về xác định chi phí tố tụng, án phí, tuyên thi hành án không đầy đủ, gây khó khăn cho công tác thi hành án, cụ thể: bản án sơ thẩm quyết định án phí dân sự sơ thẩm cao hơn mức quy định pháp luật; xác định trách nhiệm về chi phí tố tụng chưa đầy đủ căn cứ; chỉ xác định phần của ông D được hưởng trong khối tài sản chung mà không xác định rõ diện tích quyền sử dụng đất mỗi người được quản lý, sử dụng là bao nhiêu m²; vị trí, kích thước, ranh giới, mốc giới, tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông D giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý thẩm định tài sản. Hiện nay ông D không thờ cúng liệt sỹ, nhưng tài sản đó có nguồn gốc là thờ cúng liệt sỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Viết D; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An; xét kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Yên Thành, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Vụ án về “Tranh chấp quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”; bị đơn có nơi cư trú và tài sản yêu cầu có tại huyện Y. Căn cứ khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 74 Luật thi hành án dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 18/4/2024, bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; ngày 24/9/2024, Viện trưởng VKSND huyện Yên Thành ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-YT đối với bản án DSST số 50/2024 ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành; kháng cáo của bị đơn và là kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Yên Thành trong thời hạn quy định của BLTTDS.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị

[2.1] Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Viết D:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, diện tích 396 m² hiện ông D, bà T đang ở có vị trí tại xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Y cấp cho ông Nguyễn Viết D, bà Lê Thị T, GCNQSD đất số CB 095249 ngày 01/9/2015. Trước khi cấp cho ông D, bà T, thửa đất được cấp GCNQSD đất cho bà Ngô Thị L1 là thửa số 88 (không rõ số tờ) diện tích 655 m², ngày 12/4/1995.

Kết quả xác minh, nguồn gốc thửa đất là cha ông của ông ngoại ông D là ông Thái Duy H để lại. Thửa đất không có nguồn gốc được cấp cho liệt sỹ Thái Duy N1. Hiện nay bà Hoàng Thị H1 (con dâu ông H, bà L1) đang là người trực tiếp hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ đối với liệt sỹ Thái Duy N1, bà H1 hiện đang thờ cúng liệt sỹ tại nhà thờ do bà xây dựng.

Tại Giấy giao đất vườn ngày 05/5/1993 giữa ông Thái Duy H, bà Ngô Thị L1 và ông Nguyễn Viết D có nội dung: “Ông, B và con đã đồng tâm nhất trí

cho miếng đất vườn này làm nhà ở lâu dài cho Nguyễn D, diện tích đã có trong phơi đồ, đã đo đạc bằng máy nên mấy thước ông bà tôi không rõ, hiện ước tính 2/3 vườn, Nguyễn Viết D được quyền sử dụng và sở hữu.” Có thể thấy thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 là ông H, bà Lưu T2 cho ông D quyền sử dụng, sở hữu, không ra điều kiện gì thêm và bà Hoàng Thị H1 mới là người đang trực tiếp hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ Thái Duy N1. Ông D cho rằng thửa đất ông và bà T số 257 để thờ cúng liệt sỹ là không có căn cứ.

Ngoài ra, thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 đang được ông D, bà T thế chấp tại Ngân hàng TMCP B1 chi nhánh N2 để vay số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD23D2019048 với thời hạn vay 10 năm, gốc trả theo định kỳ hàng tháng. Thế hiện ý chí định đoạt tài sản của ông D, bà T. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/12/2019, ông D, bà T không có vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, việc ông D nợ bà X đã được Tòa án hai cấp giải quyết kết thúc từ tháng 7/2019; ngày 18/11/2019, bà Nguyễn Thị X viết đơn yêu cầu thi hành án và ngày 18/11/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện yên T3 đã ra quyết định thi hành án nhưng ngày 02/12/2019 ông D, bà T đã thế chấp tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 để vay Ngân hàng TMCP B1 số tiền 300.000.000 đồng với thời hạn là 10 năm nhằm gây khó khăn cho công tác thi hành án, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị X.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, diện tích 396 m² tại xóm Đ, xã X, huyện Y đã được UBND huyện Y cấp cho ông Nguyễn Viết D, bà Lê Thị T, GCNQSD đất số CB 095249 ngày 01/9/2025 và các tài sản gắn liền thửa đất là tài sản chung của ông D, bà X là có căn cứ.

[2.2] Kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Yên Thành:

[2.2.1]. Về chi phí tố tụng: Khi giải quyết sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản làm căn cứ giải quyết vụ án, mặc dù không tiến hành thẩm định trực tiếp được do đương sự cản trở, nhưng thành lập các hội đồng và tổ chức thực hiện, đã chỉ cho các thành viên tham gia thực tế, quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng là có căn cứ. Tuy nhiên, khi xét xử sơ thẩm không thống kê chi tiết là thiếu sót. Kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Yên Thành là đúng. Tuy nhiên, khi xét xử phúc thẩm, tài liệu này được bổ sung, nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.2.2] Về án phí: Bản án xác định phần sở hữu, sử dụng tài sản của ông Nguyễn Viết D có giá trị là 747.600.000 đồng, tương ứng số tiền án phí có giá

ngạch là 33.904.000 đồng. Tuy nhiên, bản án lại buộc ông Nguyễn Việt D phải nộp 37.380.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đây là sai sót về tính toán, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Yên Thành là có căn cứ, cấp phúc thẩm chấp nhận sửa lại cho đúng quy định pháp luật.

[2.3.3]. Về yêu cầu xác định phân tài sản thi hành án:

Bản án DSST số 50/2024 ngày 11/9/2024 của TAND huyện Yên Thành quyết định: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 17, diện tích 396m² (trong đó 150m² đất ở, 246m² đất vườn), vị trí: xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An do UBND huyện Y cấp ngày 01/9/2015 đứng tên ông Nguyễn Việt D, bà Lê Thị T là tài sản chung của ông Nguyễn Việt D và bà Lê Thị T, ông Nguyễn Việt D được quyền sở hữu, sử dụng 3/5 khối tài sản chung và bà Lê Thị T được quyền sở hữu, sử dụng 2/5 khối tài sản chung...”

Căn cứ Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền Tòa án; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự: Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án: 1. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu *Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.*

Trong vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, các đương sự khác không có yêu cầu độc lập về việc phân chia tài sản tranh chấp. Bản án sơ thẩm xác định phân tài sản của ông D là 3/5 trong khối tài sản yêu cầu thi hành án là đúng thẩm quyền của Tòa án và yêu cầu của đương sự trong vụ án này.

Từ phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Việt D; chấp nhận một phần kháng nghị (về án phí) của Viện trưởng VKSND huyện Yên Thành.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ các Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Viết D1 phải chịu án phí phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Lê Viết D1 đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn (ông Nguyễn Viết D); chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, sửa bản án sơ thẩm (về phần án phí dân sự sơ thẩm) số 50/2024/DS-ST ngày 11/09/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ khoản 12 Điều 26; Điều 147; Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, 318, 319, 322, 323, 327 của Bộ luật Dân sự; Điều 33; điểm b khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, diện tích 396 m² (trong đó 150 m² đất ở, 246 m² đất vườn), vị trí: xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 01/09/2015 đứng tên ông Nguyễn Viết D, bà Lê Thị T là tài sản chung của ông Nguyễn Viết D và bà Lê Thị T. Ông Nguyễn Viết D được quyền sở hữu, sử dụng 3/5 khối tài sản chung và bà Lê Thị T được quyền sở hữu, sử dụng 2/5 khối tài sản chung.

[3]. Án phí: Buộc ông Nguyễn Viết D phải nộp 33.904.000 đồng (*Ba mươi ba triệu, chín trăm linh tư ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 8.988.000 đồng. Bên nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên buộc bị đơn ông Nguyễn Viết D có nghĩa vụ thanh toán cho bên nguyên đơn bà Nguyễn Thị X toàn bộ số tiền 8.988.000đ (*Tám triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

[5]. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Viết D1 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên lai số 0003052 ngày 01/10/2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Yên Thành;
- VKSND huyện Yên Thành;
- THADS huyện Yên Thành;
- Chi Cục THADS h Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường